

BÀI GIẢNG CỦA PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Người dịch: THÍCH GIÁC THIỆN

LOẠT BÀI LÀM THẾ NÀO CỨU VĂN PHONG KHÍ XÃ HỘI

BÀN VỀ VẤN ĐỀ HỘ PHÁP

Đài truyền hình. Tủ hồ sơ số: b24 - 8

Các vị xem đài thân mến!

Hôm nay nhân duyên thật thù thắng, cư sĩ Trần Thái Quỳnh từ nước Mỹ đến chỗ chúng tôi. Bà là hộ pháp của Hội Phật giáo Đạt Lạp Tư (Dallas). Vừa rồi Bà nói với chúng tôi, hiện nay Bà mới thật sự hiểu được làm công tác hộ pháp thật chẳng dễ chút nào! Vấn đề này, trước đây tôi đã từng nói qua. Thật khó có dịp Bà đến đây như hôm nay, chúng tôi lợi dụng cơ hội này, đem vấn đề này ra nghiên cứu thảo luận lại. Hoàng hộ là then chốt tự mình tu học, giáo hóa chúng sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng lịch đại chư vị Cao tăng Đại Đức. Nói cách khác, dầu Trời cho, hay tốt cách mấy đi nữa, nếu không có sự trợ duyên, thật sự mà nói, rất khó thành tựu. Cả thế và xuất thế gian đều không ngoại lệ. Chúng ta có thể dựa theo lịch sử mà có đáp án chính xác. Nói trong Phật pháp, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, nếu không có sự cực lực hộ trì của các Quốc vương, đại thần, các trưởng giả giàu có, thì lý tưởng của Ngài dầu tốt đẹp cách mấy đi nữa, phương pháp cứu giúp hết thảy chúng sanh có hoàn thiện đến đâu đi nữa, cũng không có cách phát huy. Cho nên công đức của việc hộ trì, thật sự mà nói, không thể nghĩ bàn. Phật pháp từ triều đại nhà Hán, từ thời kỳ đầu Hậu Hán, đã truyền đến Trung Quốc và cũng đã được sự ủng hộ của các Vua chúa, Đại thần cho nên mới có thể phát triển rất thuận lợi ở Trung Quốc, trở thành một vòng văn hóa của nước này. Điều này chúng ta phải cảm kích chư vị Tổ sư Hộ pháp trải qua nhiều đời. Ngạn ngữ thường nói: “Đồng hành thì ghen ghét nhau”. Đây là một sự thật, xưa nay trong ngoài đều không tránh khỏi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuở xưa, lúc còn tại thế, Ấn Độ lúc ấy, có một số tôn giáo truyền đạo trong dân gian, theo kinh Phật ghi chép, biết tên có 96 phái. Nhưng Đức Thế Tôn cũng đến những chỗ đó giảng kinh thuyết pháp, tự nhiên làm phát khởi lòng ganh ghét của họ. Những người ganh ghét này nghĩ đủ cách để phá hoại Đức Phật. Ngoài ra trong tăng đoàn còn có một số học sinh không chịu nghe lời, gọi là “Lục quần Tỳ kheo”, chuyên môn gây sự. Trước sự kiện này sẽ có các vị đồng tu nghĩ rằng: “Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có trí tuệ viên mãn, có phương tiện thiện xảo, tại sao Ngài lại thu nhận những đệ tử hay gây rắc rối sanh chuyện thị phi này? Nếu Đức Thế Tôn đối với căn cơ của họ thấy đều không

nhận ra, vậy thì năng lực của Ngài vẫn còn giới hạn sao?”. Đứng trước sự tình này, tất nhiên chúng ta sẽ có những liên tưởng như thế. Nhưng sự thật không phải như vậy.

Chúng ta biết rõ ràng Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, mục đích trọng yếu của các Ngài chính là làm tấm gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh. Cho nên chắc chắn không thể lấy cảnh giới của các Ngài làm đối tượng, các Ngài phải lấy cảnh giới của chúng sanh làm đối tượng. Chúng sanh là phàm phu. Sau khi Phật diệt độ, chư vị Đại Đức Tổ sư trải qua nhiều đời đều là phàm phu. Trong Tăng đoàn phàm phu nhất định phải có vấn đề. Nhất định sẽ có những người trái phạm quy củ của tăng đoàn. Vậy trong trường hợp này phải xử lý thế nào? Cho nên Đức Thế Tôn, trong Tăng đoàn lúc đương thời, đã làm khuôn phép cho chúng ta. Trong Tăng đoàn này có rất nhiều học sinh tốt rất nghe lời, nhưng cũng có những học sinh ngang ngạnh không chịu nghe lời, những học sinh ưa gây sự, sanh chuyện thị phi. Chúng ta thử xem Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đối đãi với những học sinh này như thế nào? Đây chính là bảo chúng ta học tập. Nếu lấy trí tuệ, thần thông của Đức Phật, chỉ chuyên thu nhận những học sinh tốt, những học sinh xấu không thu. Điều đó không khó, nhưng đến hiện tại, Tăng đoàn chúng ta thì làm sao? - Chúng ta không có tuệ nhãn, không có năng lực biện biệt học sinh nào tốt, học sinh nào xấu. Gặp những học sinh xấu chúng ta phải làm thế nào? - Điều này chẳng phải là phiền phức sao? Do đây có thể biết, đây mới là trí tuệ chân thật, sự dạy bảo chân thật của Đức Phật. Cho nên trong Tăng đoàn hiển thị các hạng người không giống nhau, căn tánh bất đồng, trình độ bất đồng, trí tuệ bất đồng, cùng tu tập, cùng tiếp nhận sự giáo hóa của Phật. Chúng ta có thể hiểu được một tầng này là có thể có được sự thọ dụng thù thắng.

Một số các bậc cao tăng Đại Đức trải qua nhiều đời, các Ngài sở dĩ có thể thành tựu, đều là đắc lực hộ trì chân thực. Những bậc Đại Đức hộ pháp này, các Ngài có trí tuệ, có nhãn quang, có nghị lực, có quyết tâm. Dầu gặp nhiều trở ngại, quấy nhiễu, các Ngài vẫn không nãn lòng. Hộ trì như thế mới có thể thành tựu. Trong lịch sử Phật giáo, lịch sử tổ thứ sáu của Thiền tông, Huệ Năng đại sư, Người biết rất nhiều. Trong kinh pháp Bảo Đàn, thiên thứ nhất, phần tựa nói rất rõ. Khi Ngũ Tổ, Hòa Thượng Hoằng Nhẫn truyền pháp cho Ngài, dẫn đến sự bất phục của đại chúng, không những muốn đoạt y bát lại mà còn muốn ám hại Ngài. Ngũ Tổ biết rõ sự tình này, cho nên lúc nửa đêm bảo Ngài rời khỏi chỗ này, và trốn đi. Vậy là Ngài trốn đến Lĩnh Nam, ẩn náu trong đám thợ săn. Ở như vậy trong suốt mười lăm năm, cho đến khi mọi người quên bẵng đi chuyện truyền y bát, lúc ấy Ngài mới xuất hiện. Sau khi Ngài xuất hiện, một nhân duyên thật thù thắng, Ngài được một bậc Đại Đức xuất gia, ở phương Nam, pháp sư Ấn Tông hộ trì. Chúng ta thường nói “Đồng hành ghen ghét nhau” ở đây đồng hành lại không ganh ghét nhau mà còn hộ trì, giúp đỡ nhau. Thật vô cùng hy hữu! Điều này trong lịch sử rất ít thấy! Chúng ta hãy lắng lòng quán sát sự thành tựu của Ngài Huệ Năng chính là sự thành tựu của pháp sư Ấn Tông. Đây là điều không thể phủ nhận được. Nếu không có sự hộ trì của

pháp sư Ấn Tông thì đại sư Huệ Năng đầu có trí tuệ, có thiện xảo, cũng không có cơ hội phát huy. Đây là sự đặc lực có được nơi sự hộ trì của người xuất gia.

Chúng ta lại xem trong pháp thế gian, mọi người đều biết Quán Trọng, người này rất giỏi: Chín lần hợp chư hầu, một đời phò giúp thiên hạ, công lao của ông mãi mãi được hậu thế ngợi khen. Ông làm sao thành tựu được như thế? - Đặc lực là ở nơi Bảo Thúc Nha. Quán Trọng đối với người bạn này vĩnh viễn không thể quên, ông nói: “Sanh ta là cha mẹ, biết ta là Bảo Thúc”. Bảo Thúc Nha biết ông có trí tuệ, có năng lực nên đặc biệt hết sức tiến cử với nhà vua, nhờ đó ông mới có thể phát huy được hoài bảo của mình, tế thế an dân, cũng là đặc lực nơi việc hộ pháp. Những sự tình như thế này trong lịch sử không thấy nhiều lắm. Chúng ta nghĩ xem, nhân tài trải qua nhiều đời có hay không có? Không thể nói nhân tài không có. Đời đời đều có nhân tài. Trong pháp thế gian hay xuất thế gian không thiếu nhân tài. Nhưng thiếu người hộ trì dù là thiên tài cũng xơ xác, rơi rụng.

Tổ Đạt Ma khi đến Trung Quốc, không được người hộ trì, không được người hộ pháp, nên phải diện bích (ngồi quay mặt vào vách) tại chùa Thiếu Lâm 9 năm, đến khi gặp được Đại sư Huệ Khả, lúc ấy mới đem pháp truyền cho Huệ Khả. Huệ Khả trong một đời cũng không gặp được người hộ trì đặc lực nên suốt đời chỉ truyền được cho một vị. Đây coi như tương đối may mắn. Thật ra có nhiều bậc cao tăng Đại Đức trong một đời không có người hộ trì, cũng tìm không được một truyền nhân. Sự tình này mỗi triều đại đều có. Đây là sự việc vô cùng đáng tiếc! Trong phong khí xã hội gần đây, người chơn chánh phát tâm thành tựu trong một đời, người tuổi trẻ thành tựu, càng hy hữu, càng khó được.

Chúng tôi sống ở Đài Loan cũng chịu gian khổ bội phần, nhưng nhìn chung cũng được Tam Bảo gia hộ, chúng tôi gặp được nhân duyên thù thắng nên mới có một chút thành tựu như ngày hôm nay. Phật pháp trong xã hội, một vài trăm năm trở lại đây, có thể nói là từ giữa triều nhà Thanh trở về sau, biến chất nhanh chóng, bị những bậc thức giả, những phần tử trí thức trong xã hội hôm nay khinh thị. Điều này cũng không thể trách người ta. Bởi lẽ chúng ta hôm nay, Phật pháp, tự viện, chùa am, hai chúng xuất gia, những hình tướng biểu hiện ra ngoài, làm sao bảo những phần tử trí thức kính ngưỡng cho được? Cho nên lỗi không phải ở họ mà là nơi bản thân chúng ta. Những điều chúng ta biểu hiện ra đích thực là mê tín. Bạn có thể nói Phật giáo không mê tín ư? Không tiêu cực ư? Trong khi sự biểu hiện của bạn là cái dạng này. Vậy nếu chơn chánh hộ trì thì đó phải là người trí tuệ cao độ, chẳng phải là kẻ bình thường.

Tôi, lúc nhỏ, thời kỳ đi học, từng tiếp xúc qua Cơ Đốc Giáo, Y Tư Lan Giáo (Hồi Giáo). Đối với giáo nghĩa những tôn giáo này, tôi cũng hiểu qua được chút ít. Nhưng đối với Phật giáo thì không hiểu được chút gì. Từ trước đến nay không nghe nói trong tự viện này có giảng kinh, chưa nghe qua. Mãi về sau tôi mới hiểu: Có các vị pháp sư giảng kinh

nhưng đều ở những thành phố lớn. Ở những thành phố nhỏ, ở nông thôn thì càng không cần phải nói. Nhưng giáo đường của Cơ Đốc Giáo thì bất luận ở đâu, nơi hoang vu hẻo lánh, các vị mục sư cũng đều thường xuyên giảng kinh, nói đạo. Chúng ta nghe, có lúc nghe người thiếu số có đạo lý. Trước sự kiện này dù sao ta cũng cảm thấy họ cao minh hơn Phật giáo. Phật giáo chỉ có lễ bái, chỉ có đốt hương, tụng kinh, siêu độ người chết tựa như không liên can gì với người sống, với sinh hoạt chúng ta. Những việc như thế thì làm sao có thể khơi dậy hứng thú học tập của chúng ta? Làm sao có thể sanh khởi tín tâm của chúng ta đối với Phật giáo?

Nhận thức của tôi đối với Phật giáo là sau khi sang Đài Loan, theo học với Phương Đông Mỹ tiên sinh. Tôi học triết học với ông, ông rất từ bi, giới thiệu cho tôi một loạt từ triết học Tây phương đến triết học Trung Quốc, triết học Ấn Độ. Chẳng khác nào giảng cho tôi một bộ triết học khái luận. Sau cùng ông dạy cho tôi triết học Phật giáo, khiến tôi vô cùng kinh ngạc, kinh Phật mà sao là triết học? Ông bảo kinh Phật chẳng những là triết học mà còn là triết học tối cao của toàn thế giới. Lại nói với tôi: Có tu học Phật pháp thì mới hưởng thụ cao tột cái kiếp nhân sinh. Câu nói này đã đánh động hứng thú khiến tôi phải nghiên cứu tìm hiểu kinh Phật. Thế là tôi bắt đầu đi đến chùa. Lúc bấy giờ, ở Đài Bắc, nổi tiếng nhất là chùa Thiện Đạo. Trong chùa có tàng kinh, vào lúc ấy coi như là tương đối phong phú. Đương thời kinh điển Phật giáo thiếu kém vô cùng. Về mặt mua bán, không thấy. Cả Đài Loan in kinh, chỉ có ba chỗ. Đài Bắc có một chỗ in kinh Đài Loan do cư sĩ Chu Kính Trụ chủ trì, quy mô rất nhỏ. Ở Đài Trung có một vị, Trần Thúc Cư. Ở miền Nam cũng có thư cục, tôi chợt quên mất. Chúng loại in ấn của họ rất ít, số lượng rất ít. Cho nên kinh sách rất khó có được. Chúng tôi chỉ có một cách là vào chùa mượn Đại tạng Kinh để đọc. Gặp được cái gì hay hay thì tự mình sao chép, bản sao không có phổ biến giống như hiện nay, cho nên được Phương tiên sinh đem Phật pháp giới thiệu, nhân duyên của tôi có thể nói là tương đối thù thắng.

Tiếp xúc làm quen với kinh điển khoảng chừng một tháng, có một người bạn giới thiệu cho tôi biết Chương Gia Đại sư, Ngài là chuyên gia Phật học chuyên nghiên cứu Phật pháp. Tôi gần gũi với Ngài, được sự chỉ dạy của Ngài, Ngài rất từ bi, cũng giống như Phương Đông Mỹ tiên sinh, chúng tôi cố định mỗi tháng, hội họp một lần. Lúc ấy Chương Gia đại sư trụ ở số 8 đường Thanh Điền, đây là một ngôi nhà Nhật Bản rộng lớn. Chúng tôi mỗi tháng hội họp ở đây một lần, cùng nghiên cứu thảo luận với Đại sư, nghe Ngài chỉ dạy. Được 3 năm thì Chương Gia đại sư viên tịch. Tôi lại được cư sĩ Chu Kính Trụ giới thiệu biết cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung. Về sau, đối với Phật pháp tôi có nhận thức tương đối, tôi biết rằng đây là một phương thức sống tuyệt vời cần phải được phát huy rộng lớn, nhưng không có người làm. Nếu tôi không biết thì thôi, nhưng đã biết rõ rồi mà không làm trong lòng tôi cảm thấy bức rức không yên. Cho nên cuối cùng tôi quyết định từ bỏ công việc đang làm, phát tâm phụng hiến đời này chuyên theo làm công

tác này. Bấy giờ tôi đến Đài Trung, thân cận với cư sĩ Lý Bình Nam, tôi ở với ông 10 năm, và như thế tu học cơ sở ổn định.

Rời Đài Trung, tôi tiếp tục công tác tu học hoàng pháp. Hoàng pháp vừa mới bắt đầu. Lúc bấy giờ, đúng như lời thầy Lý nói: Ông hoàng hộ không có thành tích, người khác sẽ chê cười, chế nhạo ông, như thế thì không có gì cả. Nhưng nếu ông tu hành hoàng hóa có chút ít thành tựu thì tất đổ, chướng ngại bốn phương tám hướng sẽ đổ ập đến. Trong tâm không thể không có sự chuẩn bị. Về sau, quả thật tôi gặp khốn khó. Đạo tràng tôi xuất gia, tôi không thể ở đó được, cũng lý do này, mọi đạo tràng ở Đài Bắc đều không thể nhận tôi. Vào lúc ấy, trong giới cư sĩ, có cư sĩ Hoàng Nhứt Minh, ông là một đại biểu của Đảng Quốc Đại, từng làm Bí thư trưởng của Hội Phật giáo, đối với thầy trước của tôi có mối giao tình riêng. Cư sĩ Triệu Mặc Lâm vô cùng sốt sắng, chạy khắp nơi giúp tôi tìm một chỗ tạm trú, một chỗ dừng chân, các vị rất có tín tâm. Tự viện, chùa am nào cũng một phen đi tới, nhưng đâu đâu cũng gặp trở ngại. Sau đó các vị mới hiểu ra, đến gặp tôi nói: “Thưa pháp sư! Không như tôi tưởng. Khó! Khó quá!”.

Lúc bấy giờ tôi thật sự bế tắc, tình thế bức bách tôi chỉ có hai con đường để chọn lựa. Một là từ bỏ công việc hoàng pháp lợi sanh, theo đuổi kinh sám, cũng là đi tiếp độ vong hồn. Việc này được! Việc này mọi tự viện, đạo tràng thấy đều hoan nghinh, đều sẵn sàng thu nạp. Con đường thứ hai ư? - Tôi hoàn tục, tiếp tục việc làm để mưu sinh! Gặp chướng nạn lớn lao như thế này. Trong hoàn cảnh khốn khó này, tôi gặp được vợ chồng Hàn cư sĩ, ông bà là thính chúng của tôi, người phương Bắc, cá tính hào sảng. Biết hoàn cảnh khó khăn của tôi, họ rất bất bình. Gia đình Hàn cư sĩ không giàu có, thu nhập ít ỏi, vô cùng chật vật, khó khăn. Họ giúp đỡ tôi, trong nhà họ còn có hai phòng dư cho tôi ở tạm. Trước sự tình này, tôi về Đài Trung thỉnh ý lão sư phụ. Ngài bằng lòng, tôi mới an tâm ở nhà của vợ chồng Hàn cư sĩ. Lần này tôi trụ ở đây mười bảy năm, tách rời khỏi Tăng đoàn, trải qua một hình thức sinh hoạt đặc biệt của người xuất gia. Khổ không thể nói! Nhưng cả nhà họ đồng tâm hộ pháp mặc dù gặp sự phỉ báng, gièm pha, đặt điều ở mọi phía, áp lực vô cùng trầm trọng! Khó có người chịu đựng nổi. Cho nên tôi thật sự vô cùng cảm kích gia đình này. Họ có thể khiêm hạ xuống, bất cứ hình thức phỉ báng nào họ cũng không quan tâm. Thậm chí hủy nhục như thế nào cũng không lay động được lòng họ. Chúng tôi hiểu sự tình này là một việc tốt, là việc phải làm.

Mãi đến năm sáu mươi tám, mới có chút ít năng lực, xây dựng một đạo tràng nhỏ ở Cảnh Mỹ, bên kia nhà lầu lớn Dân Sinh, mua được một đơn vị 1.800m². Như thế là chúng tôi được một đạo tràng giảng kinh của mình. Trước đây, hai vợ chồng Hàn cư sĩ chạy khắp nơi thuê chỗ, mượn chỗ giúp tôi luyện tập giảng kinh trên bục giảng, xuyên suốt không bao giờ bỏ cuộc nửa chừng. Cổ nhân thường nói: “Quyền không rời tay,

Nhạc không lia miệng”. Đây chính là muốn nhấn mạnh đến yếu tố luyện tập. Người đánh quyền mỗi ngày phải luyện quyền. Ba tháng không tập quyền thì xương cốt cứng đờ. Người xướng ca hò hát, mỗi ngày phải luyện giọng, vài ba tuần không luyện tập thì hát không ra tiếng. Cũng giống vậy phát tâm giảng kinh thuyết pháp, mỗi ngày cũng phải lên bục giảng.

Trước đây, thầy Lý chỉ dạy chúng tôi, tuy không có cơ hội mỗi ngày lên bục giảng, nhưng tối thiểu một tuần cũng phải tập giảng một lần. Giá như cơ hội một tuần một lần cũng không có thì nhất định bạn sẽ không thể thông thạo, nhất định sẽ thoái chuyển và càng về sau tín tâm của bạn càng mất dần. Do đây có thể biết, luyện tập trên bục giảng là cách tốt nhất để thành công. Tôi được sự hộ trì của gia đình Hàn cư sĩ nên cơ hội giảng kinh của tôi thập phần mỹ mãn. Mỗi tuần ít nhất cũng có 3 lần. Có lúc đến 5 lần, 6 lần. Tối đa, tôi nhớ, đại khái có 2 năm cơ hội lên bục tập diễn giảng rất nhiều: sáng, chiều, tối. Mỗi tuần có 30 tiếng. Tôi rất hoan hỷ, tôi không thể khước từ, có cơ hội luyện tập tốt như thế là một nhân duyên thù thắng không gì sánh được.

Năm 68 có nhân duyên xây dựng Đờ Thư Quán (thư viện) Cảnh Mỹ. Về sau dần dần mở mang thêm mới có được nơi chốn như hôm nay so với đạo tràng của các pháp sư khác thì đạo tràng của chúng tôi thua kém rất nhiều. Bất cứ một cái am miếu nhỏ nào, chúng tôi cũng đều không thể sánh! Cái đặc sắc của đạo tràng chúng tôi là giảng kinh, thuyết pháp, cùng tu niệm Phật, và từ đó đến nay không có đứt đoạn. Hàn cư sĩ hết lòng, hết sức hộ trì chúng tôi 30 năm, xây dựng đạo tràng. Có một số thánh chúng, sau khi nghe pháp sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện xuất gia. Do đó chúng tôi cũng tổ chức được một Tăng đoàn nhỏ. hết thấy những thành tựu này đều là công đức hộ trì của Hàn cư sĩ. Thật không dễ dàng chút nào! Nếu không có sự hộ trì toàn tâm toàn lực của Bà, không có ý chí kiên định, kháng cự hết thấy những sự phỉ báng, gièm pha ở bên ngoài thì làm sao chúng tôi có được sự thành tựu như hôm nay?

Ngày mùng 5 tháng 3 năm nay Bà vãng sanh. Thật bất ngờ, vượt ngoài tiên liệu của chúng tôi. Những người quen biết bà đều vô cùng kinh ngạc. Mặc dù bà đang bệnh nhưng Bà vẫn nói cười bình thường. Bạn thấy thái độ của Bà rất hoạt bát, tiếng nói của Bà vẫn to rõ. Thậm chí bạn nghĩ Bà có thể sống thêm hai mươi năm nữa. Thấy tình hình như thế không ai nghĩ rằng Bà lại mất sớm đến thế. Lúc Bà mất không có đau đớn gì. Gần đây tôi nghe 3 lần, cuộn băng ghi âm vãng sanh của Liễu cư sĩ, thân phụ Bà. Ông báo cáo rất tường tận. Thật là thù thắng. Nhưng tình trạng vãng sanh của Quán trưởng Hàn còn thù thắng hơn thân phụ của Bà rất nhiều. Trong lúc Bà mang bệnh nhưng dung mạo không có sắc bệnh. Lúc Bà mất không có tướng chết, diện mục vẫn tươi tỉnh như sống. Thậm chí nhìn còn tốt đẹp hơn lúc sống, thật là hy hữu! Trong lúc bệnh, chúng tôi cũng từng thấy không ít bệnh nhân, lúc bệnh nặng, thường hay thấy Thần, thấy Quỷ, hoặc thấy thân bằng, quyến thuộc, những người đã chết. Hiện tượng

này vô cùng phổ biến. Trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, Đức Phật nói rất tường tận. Hiện tượng này không phải là điềm tốt. Quán trưởng Hàn vãng sanh, những hiện tượng của bà không có. Những hiện tượng này rất hy hữu, rất ít có.

Bà hai lần thấy Phật. Lần thứ nhất là ngày mùng 1 tháng 3, 10 giờ tối ngày mùng 1 tháng 3, Bà thấy Phật A Di Đà đến, Bà nói với chúng tôi Phật A Di Đà đến, thời gian dài độ chừng 3, 4 phút. Sau đó, Bà nói với chúng tôi Phật A Di Đà đi. Tôi an ủi, động viên Bà: “Phật A Di Đà đến thăm Bà, tôi nói bệnh của Bà nhất định sẽ khỏi. Phật đến thăm Bà nhưng Phật không rước Bà đi. Phật đến thăm Bà và Ngài cũng đã đi rồi”. Bà gật gật đầu. Tôi nói: “Bà hiện giờ niệm Phật A Di Đà, nhưng nếu so với mọi người chúng tôi niệm thì Bà càng tha thiết, nhiệt tâm hơn. Vì sao? - Vì Bà đã thấy Phật! Chúng tôi chỉ thấy Phật tượng, không thấy được Phật thật”. Bà nói: Đúng, rất đúng! Đây là lần thấy Phật thứ nhất. Sau khi thấy Phật, tinh thần của Bà càng lúc càng tốt hơn. Tối hôm đó, tối mùng 1 tháng 3, thầy thuốc của bệnh viện chẩn đoán cho Bà, họ nói bệnh tình của Bà rất nguy cấp. Họ bảo con của Bà, khả năng Bà chỉ sống khoảng 2 tiếng nữa thôi. Họ bảo chúng tôi chuẩn bị. Lúc này là 6 giờ. Nhưng 8 giờ hơn thì Bà tỉnh lại, Bà đòi uống nước và ăn một cái gì đó. Tinh thần càng lúc càng khỏe hơn. Đến 10 giờ rưỡi, Phật A Di Đà đến. Chúng tôi cho là Phật đến tiếp dẫn Bà. Không nghĩ rằng sau khi thấy Phật, tinh thần Bà càng lúc càng tỉnh táo. Chúng tôi quây quần một chỗ trò chuyện, nói cười. Đến 2 giờ hơn, tôi thấy Bà bình yên, vô sự.

Trong giai đoạn này, chúng tôi bàn bạc nhiều về những việc phải làm ở tương lai. Chúng tôi phát huy Phật giáo như thế nào? Làm thế nào bồi dưỡng cho đàn hậu học? Thảo luận rất lâu, đến hơn hai giờ, lúc ấy, đã khuya lắm rồi, tôi khuyên Bà hãy nghỉ ngơi cho khỏe, sáng hôm sau tôi sẽ đến thăm. Sau đó tôi cũng trở về nghỉ ngơi. Như thế đến ngày mùng 3, tôi đem những điều bàn bạc tối hôm mùng 1 chỉnh lý, viết ra thành mười hai điều. Tôi đem từng điều đọc cho Bà nghe. Bà đều gật đầu, đồng ý hoàn toàn. Cho nên mười hai điều này chính là “Nguyện vọng của Quán trưởng Hàn” cũng chẳng khác nào nói là “Di chúc của Bà”. Hy vọng những bạn đồng tu của Học Hội Tịnh Tông đều có thể lấy nguyện vọng của Quán trưởng Hàn, chúng tôi cùng động viên, y giáo phụng hành để báo đáp ân đức hộ trì chúng tôi trong 30 năm của Bà. Đây là sự việc ngày mùng 3 tháng 3.

Chiều mùng 3 tháng 3, tôi thấy Bà tình hình dần dần chuyển biến tốt đẹp hơn. Bác sĩ trong bệnh viện xem xong cũng lắc đầu, ông nói những người học Phật chúng tôi thật không thể nghĩ bàn. Làm sao thấy không khỏe rồi lại hồi phục, lại khỏe lại. Nhưng tôi cảm thấy tình hình vẫn còn tương đối nghiêm trọng, không thể không chuẩn bị ổn thỏa. Lúc ấy tôi chợt nghĩ ra, y (áo tràng) màu vàng mà người xuất gia chúng ta mặc, cà sa màu hồng, những màu này không đúng pháp. Tuy nhiên một số người thích mặc màu này, nhưng tôi biết quỷ thần ghét bỏ. Không đúng pháp! vậy là chúng tôi

cùng Quán trưởng nhấn mạnh nhiều lần, chúng tôi muốn tu học đúng pháp. Việc đó chỉ có bắt đầu từ bản thân chúng tôi phát khởi, và chúng tôi từ đây về sau không mặc lại y (áo tràng) màu vàng, không mang (đắp) cà sa màu hồng. Cà sa của chúng tôi từ đây nhất định phải là màu cà phê, y nhuộm màu. Cho nên tôi gọi điện cho Đồ Thư Quán, bảo Ngô Đạo lập tức thông báo cho cửa hàng Tăng phục Bản Kiều, cùng với chúng Tăng (nam) xuất gia của Đồ Thư Quán chúng tôi, mỗi một người may một bộ y 25 điều, màu cà phê. Lập tức thông báo cho bà chủ cửa hàng, hy vọng bà có thể may cho chúng tôi nhanh một chút.

Buổi tối, bà chủ cửa hàng Tăng phục đến Đồ Thư Quán để lấy số lượng, kích thước của chúng tôi. Chúng tôi nói với bà mong bà có thể may cho chúng tôi nhanh một chút. Bà nói cho chúng tôi bà đã biết rồi. Chúng tôi rất ngạc nhiên, làm sao bà có thể biết? Buổi trưa, Phật A Di Đà thông báo cho bà biết, nói Đồ Thư Quán có việc gấp, họ cần tìm thợ làm gấp cho họ. Chúng tôi nghe bà nói những điều này trong lòng vô cùng kinh ngạc, nhưng cũng vô cùng an ủi kinh ngạc vì từ trước đến nay chưa từng nghe qua, Phật A Di Đà đích thân thay thế người khác sắp xếp công việc, chưa từng nghe! Trong sách xưa cũng không thấy ghi chép sự việc như thế. Như vậy đúng trưa hôm ấy, trưa mùng 3, Quán trưởng Hàn thấy Phật A Di Đà lần thứ hai. Hầu như bà chủ cửa hàng Tăng phục và Quán trưởng thấy Phật A Di Đà cùng lúc. Một người thì ở bệnh viện, một người thì ở cửa hàng, sự kiện này đem đến một niềm tin rất lớn cho chúng tôi.

Quả nhiên trang phục chúng tôi yêu cầu, bà chủ cửa hàng đưa đến đúng hẹn. Quán trưởng Hàn vào lúc 4 giờ 20 chiều mùng 5 an nhiên vắng sanh. Tăng phục đưa đến cho chúng tôi trước đó. Hết thấy chúng tôi đều như pháp, trong lòng an ổn, hoan hỷ vô song. Chúng tôi ngắm nghĩ Hàn Quán trưởng đến thế gian này để hộ trì Phật pháp, nên có thể nói Phật A Di Đà phái Bà đến, Bà không phải là phạm nhân. Bà đến có nhiệm vụ của Bà. Bà đi, công đức Bà làm đã viên mãn, Phật A Di Đà tiếp dẫn Bà đi. Bà trong khoảng thời gian này 2 lần thấy Phật A Di Đà. Một lần thấy Hải Hội Liên Trì. Bà nói với chúng tôi Liên Trì rộng lớn lắm! Liên hoa đẹp lắm! Bà ra đi an lành như thế. Trước khi ra đi, Bà nói chuyện với chúng tôi rất thoải mái, chẳng có chút gì đau khổ. Bà đi rất vui vẻ. Chúng tôi đương nhiên rất buồn. 30 năm ở chung với nhau, hết lòng hộ trì Phật pháp, giúp chúng tôi có đạo tràng, có Tăng đoàn nhỏ. Hoàng hộ chánh pháp trong thời đại này, như kinh Lăng Nghiêm nói: “Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”. Chương duyên bên ngoài so với bất cứ thời đại nào trước đây đều nhiều hơn, phức tạp hơn và đều nghiêm trọng, chúng tôi có thể tồn tại trong khe hở, lại còn có thể tiếp nối và phát huy Phật pháp. Thật là một công tác khó khăn nặng nề biết bao! Phát tâm hộ trì chơn chánh chính là sứ giả của Như Lai, nhất định sẽ được chư Phật hộ niệm, Long Thiên, Thiên Thần bảo hộ. Chúng tôi trong một vài ngày cuối

cùng này của Quán trưởng đã được chứng thực. Trước đây chúng tôi chỉ là một suy nghĩ, nương theo những lý luận của kinh điển mà suy tưởng ra. Giờ đây chúng tôi đã thấy được sự thật.

Ngoài ra còn có các vị Tăng hoằng dương Phật pháp ở khắp nơi. Các vị nỗ lực hành hóa, cũng đã được sự gia trì của các thần hộ pháp rõ ràng, khiến chúng tôi càng thêm tin tưởng những điều Phật nói trong kinh, mỗi chữ, mỗi câu đều chơn thật, hoàn toàn không hư dối. Hoằng pháp phải nương vào sự dạy bảo của Phật. Như lý, như pháp mà nhận thức rồi thực hành Hộ pháp. Hàn cư sĩ sẽ là một tấm gương tuyệt vời. Người hộ pháp thành công thì không phụ sứ mạng của Như Lai. Chúng tôi hy vọng có thêm nhiều tấm gương hộ trì như Hàn cư sĩ. Chúng tôi hy vọng có nhiều pháp sư tuổi trẻ, phát nguyện hoằng pháp lợi sanh. Tiền đồ Phật pháp là bầu trời rộng sáng, nhất định sẽ có được những công đức, lợi ích, hiệu quả thù thắng như Phật nói. Giúp mọi người trên cõi thế được an vui hạnh phúc. Giúp mỗi gia đình đều được mỹ mãn. Giúp cho sự nghiệp chúng sanh thành công thuận lợi. Giúp cho xã hội an vui, ổn định. Sau cùng là thế giới hòa bình. Mỗi một chủng tộc, mỗi một quốc gia đều hay hỗ trợ, hợp tác, cùng hưởng thành quả phần vinh, hưng vượng. Đây là hiệu quả thù thắng của việc hoằng dương và hộ trì Phật pháp nhất định sẽ đạt được. Chúng tôi lợi dụng chút cơ hội này để khuyến khích các bạn đồng tu. Chúng ta phải nhận thức, phải lý giải, phải cùng nắm tay nỗ lực thực hiện tốt Phật sự này. Xin cảm ơn mọi người!